

Số: 05/2017/QĐ-PT

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng phiên họp phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phùng Văn Thành.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế; Ông Nguyễn Văn Năm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên họp: Ông Lê Văn Mạnh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 04/2017/QĐST-HC ngày 26 tháng 10 năm 2017. Tòa án nhân dân thành phố TN đã căn cứ vào Điều 143; Điều 144 và điều 165-Luật tổ tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 04/2013/HCST ngày 07/6/2013, giữa:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh 1955.

Người bị kiện: UBND thành phố TN.

Tại đơn kháng cáo ngày 01/11/2017, người khởi kiện-Bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Với lý do: UBND thành phố TN đã ban hành quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 05/02/2009, về việc thu hồi đất của gia đình tôi không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi, tôi đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xét xử hủy quyết định thu hồi đất. Tòa án nhân dân thành phố TN đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp xét quyết định phúc thẩm bà L đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

XÉT THẤY

Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội, UBND thành phố TN đã ban hành quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 05/02/2009, v/v thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L (Ông Đoàn Khắc S), cư trú tại tổ 16, phường HVT, thành phố TN để sử dụng vào mục đích xây dựng đường BS, đường MC(Đoạn nối đường BS) và khu dân cư số 1, phường phường HVT, thành phố TN.

Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND phường HVT đã tiến hành thông báo quyết định thu hồi đất trên hệ thống truyền thanh, công khai niêm yết quyết định thu hồi đất, thông báo quyết định thu hồi đất đến các hộ gia đình.

Ngày 02/02/2010 bà L đã nhận tạm ứng tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng, số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Không đồng ý với diện tích đất bị thu hồi, bà L cho rằng dự án đã thu hồi cả diện tích đất không sử dụng làm đường BS, bà L đề nghị được đo đạc kiểm đếm lại nhưng không được chấp nhận, bà đã trực tiếp khiếu nại, và làm đơn khiếu nại, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND phường HVT trực tiếp gặp gỡ, đối thoại, tuyên truyền giải thích pháp luật trong việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, nhưng bà L không đồng ý.

Như vậy, tuy không có tài liệu chứng cứ xác định bà L nhận được quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND thành phố TN, về việc thu hồi đất, nhưng có thể xác định được bà L đã biết có quyết định nêu trên, và đã có đơn khiếu nại quyết định đó đến Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và UBND thành phố TN, nhưng yêu cầu khiếu nại không được xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/02/2013 bà L làm đơn khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 15/4/2013 làm đơn khởi kiện bổ sung. Ngày 09/5/2013 tiếp tục làm đơn khởi kiện bổ sung. Căn cứ đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai đều có nội dung bà L không đồng ý với quyết định thu hồi đất của UBND thành phố TN, đề nghị Tòa án xem xét hủy quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND thành phố TN, về việc thu hồi đất.

Tại thời điểm bà L khởi kiện, áp dụng pháp luật giải quyết là Luật tổ tụng hành chính (Năm 2010) có hiệu lực pháp luật ngày 01/7/2011.

Căn cứ Điều 104- Luật tổ tụng hành chính năm 2010, quy định:

Điều 104. Thời hiệu khởi kiện

“1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp quy định như sau:

a) 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính ...”

Căn cứ Điều 3- Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định:

“ Trong thời hạn một năm kể từ ngày luật tổ tụng hành chính (Năm 2010) có hiệu lực, người khiếu nại đã thực hiện việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật này có hiệu lực, nếu khiếu nại không được giải quyết, hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của luật tổ tụng hành chính. ”

Căn cứ Điều 4 - Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, quy định:

Điều 4. Điều kiện thụ lý khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai quy định tại điều 3-Nghị quyết 56.

“1. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai (Nội dung quản lý nhà nước về đất đai được quy định tại khoản 2 điều 6 của Luật đất đai năm 2003) quy định tại điều 3-Nghị quyết 56 khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Việc khởi kiện được thực hiện trong thời hạn một năm kể từ ngày luật tố tụng hành chính (Năm 2010) có hiệu lực (Ngày 01/7/2011).

b) Người khởi kiện đã thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật tố tụng hành chính có hiệu lực (Ngày 01/7/2011) mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết mà họ không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại...”

Theo quy định đã viện dẫn nêu trên, bà L phải làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 05/02/2009, trước ngày 30/6/2012. Ngày 20/02/2013 bà L mới làm đơn khởi kiện, đơn khởi kiện vụ án hành chính của bà L thuộc trường hợp đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng phiên họp không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ điều 243 - Luật tố tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 04/2017/QĐST-HC ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005721 ngày 10/11/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa hành chính.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phùng Văn Thành

